Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7217.20.10

Mã HS	7217.20.10
Mô tả hàng hóa	Dây của sắt hoặc thép không hợp kim / - Được phủ, mạ hoặc tráng kẽm: / - - Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo khối lượng
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 00:08:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/72172010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11363
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11363
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q11363
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, TH)	0% (trừ ID, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	1,8; M: 2,7	1,8% · M: 2.7%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	3,6	3,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	3,6	3,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	8,2	8,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AKFTA	24	24%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10683
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10634
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10634
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10634
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10634
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10634
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10634
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10686
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10686
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10686

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10686
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10686
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10686
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10687
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10687
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10687
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10687
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10687
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10687
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		24	AK!F10688
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H10640
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F10646
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G10646
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H10646
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I10646
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J10646
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K10646
VKFTA	2022	2022	10	VK!E10673
VKFTA	2023	2023	10	VK!F10673
VKFTA	2024	2024	10	VK!G10673
VKFTA	2025	2025	10	VK!H10673
VKFTA	2026	2026	10	VK!I10673
VKFTA	2027	2027	10	VK!J10673
VCFTA	2022	2022	10	VC!D10724
VCFTA	2023	2023	10	VC!E10724
VCFTA	2024	2024	5	VC!F10724

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	5	VC!G10724
VCFTA	2026	2026	5	VC!H10724
VCFTA	2027	2027	5	VC!I10724
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10709
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10709
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10709
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10709
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10709
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10709
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D10709
AHKFTA	2023	2023	15	AKH!E10709
AHKFTA	2024	2024	15	AKH!F10709
AHKFTA	2025	2025	15	AKH!G10709
AHKFTA	2026	2026	15	AKH!H10709
AHKFTA	2027	2027	15	AKH!I10709
EVFTA	2022	2022	7,2	EV-NK!D10726
EVFTA	2023	2023	6,3	EV-NK!E10726
EVFTA	2024	2024	5,4	EV-NK!F10726
EVFTA	2025	2025	4,5	EV-NK!G10726
EVFTA	2026	2026	3,6	EV-NK!H10726
EVFTA	2027	2027	2,7	EV-NK!I10726
UKVFTA	2022	2022	7,2	UKV!D10725
UKVFTA	2023	2023	6,3	UKV!E10725
UKVFTA	2024	2024	5,4	UKV!F10725
UKVFTA	2025	2025	4,5	UKV!G10725
UKVFTA	2026	2026	3,6	UKV!H10725

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	2,7	UKV!I10725
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	6,3	CPTPP!D10672
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	5,4	CPTPP!E10672
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	4,5	CPTPP!F10672
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	3,6	CPTPP!G10672
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	2,7	CPTPP!H10672
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	1,8	CPTPP!I10672
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0,9	CPTPP!J10672
RCEP A	2022	2022	13,5	RCEPT-A!D10709
RCEP A	2023	2023	12	RCEPT-A!E10709
RCEP A	2024	2024	10,5	RCEPT-A!F10709
RCEP A	2025	2025	9	RCEPT-A!G10709
RCEP A	2026	2026	7,5	RCEPT-A!H10709
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I10709
RCEP B	2022	2022	13,5	B!D10709
RCEP B	2023	2023	12	B!E10709
RCEP B	2024	2024	10,5	B!F10709
RCEP B	2025	2025	9	B!G10709
RCEP B	2026	2026	7,5	B!H10709
RCEP B	2027	2027	6	B!I10709
RCEP C	2022	2022	13,5	C!D10709
RCEP C	2023	2023	12	C!E10709
RCEP C	2024	2024	10,5	C!F10709
RCEP C	2025	2025	9	C!G10709
RCEP C	2026	2026	7,5	C!H10709
RCEP C	2027	2027	6	C!I10709

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	13,6	D!D10708
RCEP D	2023	2023	12,3	D!E10708
RCEP D	2024	2024	10,9	D!F10708
RCEP D	2025	2025	9,5	D!G10708
RCEP D	2026	2026	8,2	D!H10708
RCEP D	2027	2027	6,8	D!I10708
RCEP E	2022	2022	13,5	E!D10712
RCEP E	2023	2023	12	E!E10712
RCEP E	2024	2024	10,5	E!F10712
RCEP E	2025	2025	9	E!G10712
RCEP E	2026	2026	7,5	E!H10712
RCEP E	2027	2027	6	E!I10712
RCEP F	2022	2022	13,5	F!D10709
RCEP F	2023	2023	12	F!E10709
RCEP F	2024	2024	10,5	F!F10709
RCEP F	2025	2025	9	F!G10709
RCEP F	2026	2026	7,5	F!H10709
RCEP F	2027	2027	6	F!I10709
VIFTA	2024	2024	15	VI!F9911
VIFTA	2025	2025	15	VI!G9911
VIFTA	2026	2026	15	VI!H9911
VIFTA	2027	2027	15	VI!I9911

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-009	YELLOW	CPTPP: mức thuế riêng “M:”	Ô CPTPP “1,8; M: 2,7” có mức chung 1,8% và mức “M:” 2.7% (thường hiểu là biểu áp dụng cho Mê-hi-cô – cần xác minh).		115/2022/NĐ-CP	Xác định biểu thuế CPTPP áp dụng cho nước xuất xứ theo Nghị định 115/2022/NĐ-CP.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
FTA-010	YELLOW	Khác biệt giữa biểu tổng hợp và biểu FTA gốc	CPTPP: biểu tổng hợp BT2026 ghi “1,8; M: 2,7”, biểu FTA gốc kỳ (VI) ghi “1,8”.		115/2022/NĐ-CP	Đối chiếu Nghị định gốc và văn bản sửa đổi để xác định mức chính xác.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 15%, VIFTA 15%, AKFTA 24%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7217.20 có 4 dòng thuế; dòng 7217.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo khối lượng.	7217.20.20 Có hàm lượng carbon từ 0,25% đến dưới 0,45% tính theo khối lượng; 7217.20.91 Dây thép dùng làm lõi cho cáp dẫn điện bằng nhôm (ACSR) (SEN); 7217.20.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Các sản phẩm thép cán nguội khác > Dây thép. Gồm: Dây thép không hợp kim (Gồm cả dây thép không hợp kim đã mạ hoặc chưa mạ); Dây thép không gỉ; Dây thép hợp kim khác (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7217.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 7217.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11363), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.